TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 89/2018/KDTM-ST
Ngày: 27-9-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thảo

2. Ông Lê Văn Ngọc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Thủy – là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2017/TLST-KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXXST - KDTM ngày 31 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2018/QĐST-KDTM ngày 31/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V;
Trụ sở: Đường L, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội.
Chi nhánh C, địa chỉ: Đường C, Phường M, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế A hoặc ông Nguyễn Hữu I ; địa chỉ: Đường X, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số: 11599.2018/AMC-PN ngày 25/5/2018). (ông Nguyễn Hữu I có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên N; trụ sở: Đường B, Khu phố O, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Diễm R; địa chỉ: phường S, thị xã J, tỉnh D (theo giấy ủy quyền ngày 10/6/2016 do bà Nguyễn Thị Kim E là đại diện theo pháp luật – Giám đốc công ty ký). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Nguyễn Hữu I là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trình bày: Ngày

17/7/2014 Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Chi nhánh C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) và Công ty TNHH Một thành viên N (sau đây gọi tắt là Công ty N) có ký hợp đồng tín dụng số SME/ECH/14/0137/HĐTD và ngày 26/7/2014 ký phụ lục hợp đồng số SME/ECH/14/0137/HĐ TD số 01/PLHĐ. Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng V đã giải ngân khoản vay cho Công ty N theo 02 khế ước nhận nợ cụ thể:

- Khế ước nhận nợ lần 1/Số:SME/ECH/14/0137/HĐTD ngày 17/7/2014 với số tiền vay là 3.343.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, ngày giải ngân: 17/7/2014, ngày đến hạn: 17/7/2014, lãi suất cho vay: 13,7%/năm điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, mục đích vay: thanh toán một phần mua xe.

- Khế ước nhận nợ lần 2/Số:SME/ECH/14/0137/HĐTD ngày 17/7/2014 số SME/ECH/14/0137/HĐTD ngày 26/7/2014 với số tiền 957.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, ngày giải ngân: 26/7/2014, ngày đến hạn: 26/7/2017, lãi suất cho vay: 12,3%/năm điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, mục đích vay: thanh toán một phần mua xe.

Để đảm bảo cho khoản vay, Công ty N đã thế chấp các tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty như sau:

Theo Hợp đồng thế chấp xe ôtô số: SME/ECH/14/0137/HDTC ngày 17/7/2014, tài sản thế chấp là :

- Xe đầu kéo nhãn hiệu: MAN, số loại: CLA26280, màu đỏ, số khung 5KW4CN008542, số máy: 6DBK09745, biển số: 51C-441.24, giấy đăng ký xe ô tô số 177169 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2014.

- Xe đầu kéo nhãn hiệu: MAN, số loại: CLA26280, màu đỏ, số khung 5KW8CN008544, số máy: 6DBK09735, biển số: 51C-440.09, giấy đăng ký xe ô tô số 177151 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2014.

- Xe đầu kéo nhãn hiệu: MAN, số loại: CLA26280, màu đỏ, số khung 5KW4CN008539, số máy: 6DBK09747, biển số: 51C-438.37, giấy đăng ký xe ô tô số 177140 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2014.

- Xe đầu kéo nhãn hiệu: MAN, số loại: CLA26280, màu đỏ, số khung 5KWXCN008545, số máy: 6DBK09772, biển số: 51C-439.58, giấy đăng ký xe ô tô số 177169 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2014.

Các tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/7/2014.

Theo hợp đồng thế chấp xe ôtô số: SME/ECH/14/0137/HDTC – 02 ngày 26/7/2014, tài sản thế chấp là :

- Xe Sơmi RơMoóc, nhãn hiệu KCT, số loại: B53, màu xanh, số khung: F3XAE4000008, biển số: 51R-079.65, chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sơ mi Rơ Moóc số 007383 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/7/2014.

- Xe Sơmi RơMoóc, nhãn hiệu KCT, số loại: B53, màu xanh, số khung: F3XAE4000009, biển số: 51R-076.66, chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sơmi

RơMoóc số 007381 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/7/2014.

- Xe Sơmi RơMoóc, nhãn hiệu KCT, số loại: B53, màu xanh, số khung: F3XCED000036, biển số: 51R-076.47, chứng nhận đăng ký Rơ Moóc, Sơmi RơMoóc số 007380 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/7/2014.

- Xe Sơmi RơMoóc, nhãn hiệu KCT, số loại: B53, màu xanh, số khung: F3XCED000037, biển số: 51R-080.11, chứng nhận đăng ký Rơ Moóc, Sơmi RơMoóc số 007388 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/7/2014.

Các tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/7/2014 và Ngân hàng V đang giữ bản chính các giấy chứng nhận đăng ký các tài sản theo 02 hợp đồng thế chấp trên.

Do Công ty N vi phạm nghĩa vụ trả vốn và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng từ tháng 5,6,7/2015 nên Ngân hàng V đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 30/8/2015 và nộp đơn khởi kiện, yêu cầu Công ty N trả ngay một lần toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 22/4/2017 là 3.804.765.885đ, trong đó nợ gốc là: 2.800.471.419 đồng, nợ lãi là: 1.004.294.466đ.

Ngày 04/12/2017 phía Ngân hàng và Công ty N có ký biên bản làm việc và phía bị đơn đã bàn giao cho nguyên đơn 07 tài sản bảo đảm để bán đấu giá là:

- Xe đầu kéo nhãn hiệu: MAN, số loại: CLA26280, màu đỏ, số khung 5KW4CN008542, số máy: 6DBK09745, biển số: 51C-441.24.

- Xe đầu kéo nhãn hiệu: MAN, số loại: CLA26280, màu đỏ, số khung 5KW8CN008544, số máy: 6DBK09735, biển số: 51C-440.09.

- Xe đầu kéo nhãn hiệu: MAN, số loại: CLA26280, màu đỏ, số khung 5KW4CN008539, số máy: 6DBK09747, biển số: 51C-438.37.

- Xe đầu kéo nhãn hiệu: MAN, số loại: CLA26280, màu đỏ, số khung 5KWXCN008545, số máy: 6DBK09772, biển số: 51C-439.58;

- Xe Sơmi RơMoóc, nhãn hiệu KCT, số loại: B53, màu xanh, số khung: F3XAE4000008, biển số: 51R-079.65.

- Xe Sơmi RơMoóc, nhãn hiệu KCT, số loại: B53, màu xanh, số khung: F3XAE4000009, biển số: 51R-076.66.

- Xe Sơmi Rơ Moóc, nhãn hiệu KCT, số loại: B53, màu xanh, số khung: F3XCED000036, biển số: 51R-076.47.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Ngân hàng V đã bán đấu giá các tài sản sau để thu hồi nợ:

- Ngày 07/5/2018 bán 3 xe Sơmi RơMoóc trên với giá 303.000.000đ. Sau khi trừ chi phí liên quan đến xử lý tài sản bảo đảm là 31.205.000đ thì Ngân hàng V đã trừ số tiền là 271.795.000đ vào số tiền nợ gốc của khế ước nhận nợ ngày 26/7/2014. Phía ngân hàng có công văn số 12299/TB-AMC thông báo cho Công ty N về việc xử lý tài sản bảo đảm ngày 6/6/2018.

- Ngày 27/8/2018 bán đấu giá thành công 04 xe đầu kéo nhãn hiệu MAN, số loại: CLA26280 với giá 1.056.000.000đ, sau khi trừ chi phí xử lý tài sản (đấu giá, tiền giữ xe…) số tiền 282.980.000đ, số tiền còn lại là 726.820.000đ đã được trừ vào nợ gốc của khế ước nhận nợ ngày 17/7/2014. Phía ngân hàng đã thực hiện đầy đủ thủ tục

thông báo cho Công ty N về việc xử lý tài sản bảo đảm.

Tính đến ngày 27/9/2018, Công ty N còn nợ số tiền 3.427.881.509đ, trong đó nợ gốc là 1.801.856.419đ, lãi trong hạn 57.145.269đ, lãi quá hạn là 1.568.879.821đ, cụ thể như sau (có bản kê chi tiết đính kèm):

-Theo khế ước nhận nợ ngày 17/7/2014: Số tiền gốc còn thiếu là 1.434.651.419đ, lãi phải trả : 1.298.634.303đ (lãi trong hạn 37.896.975đ, lãi quá hạn 1.260.737.328đ) ; tổng số tiền 2.733.285.722đ.

-Theo khế ước nhận nợ ngày 26/7/2014: Số tiền gốc còn thiếu là 367.205.000đ, lãi phải trả : 327.390.787đ (lãi trong hạn 19.248.294đ, lãi quá hạn 308.142.493đ); tổng số tiền 694.595.787đ.

Ngân hàng V yêu cầu Công ty N thanh toán một lần toàn bộ số tiền 3.438.144.723đ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Vấn đề giảm lãi cho bị đơn hay không Ngân hàng sẽ xem xét trong quá trình bị đơn trả nợ. Do trong quá trình Tòa giải quyết, Công ty N trả được số tiền gốc là 998.615.000đ nên Ngân hàng V rút lại yêu cầu đối với số tiền này.

Ngoài ra, Công ty N tiếp tục thanh toán lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn được quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 28/9/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng V.

Trường hợp Công ty N không thanh toán theo yêu cầu trên thì Ngân hàng V được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là xe yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là Xe Sơmi RơMoóc, nhãn hiệu KCT, số loại: B53, màu xanh, số khung: F3XCED000037, biển số: 51R-080.11, chứng nhận đăng ký Rơ Moóc, Sơmi RơMoóc số 007388 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/7/2014.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 13/6/2018 - Bị đơn là Công ty N có bà Phạm Thị Diễm R là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty N xác nhận có ký hợp đồng tín dụng và số nợ còn thiếu cũng như còn 1 tài sản đảm bảo phía Công ty N vẫn còn giữ như đại diện nguyên đơn trình bày. Do Công ty N đang gặp khó khăn tài chính nên đề nghị Ngân hàng V xem xét giảm 01 phần lãi, sau khi chốt được số tiền còn thiếu sẽ cố gắng thanh toán trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày bán được hết các tài sản bảo đảm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng giữa VBank và Công ty N thì Công ty N còn nợ VBank số tiền gốc 3.427.881.509đ, lãi trong hạn 57.145.269đ, lãi quá hạn 1.568.879.821đ. Do Công ty N vi phạm nghĩa vụ trả nợ và việc Công ty N đề nghị giảm lãi suất tiền vay do Ngân hàng V không hỗ trợ trả cà vẹt xe để bán xe trả nợ là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên N trả các khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký, đây là tranh chấp phát sinh nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên đã hình thành quan hệ pháp luật Kinh doanh thương mại. Do các bên đương sự có thỏa thuận Tòa án nơi thực hiện hợp đồng sẽ giải quyết tranh chấp nên căn cứ theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

[2.1]. Do Tòa án tiến hành ủy thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2]. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tham gia phiên tòa nhưng phía người đại diện của bị đơn vắng mặt lần 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

- Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng – số SME/ECH/14/0137/HĐTD 17/7/2014, phụ lục hợp đồng số SME/ECH/14/0137/HĐ TD số 01/PLHĐ ngày 26/7/2014, khế ước nhận nợ lần 1 có Số:SME/ECH/14/0137/HĐTD ngày 17/7/2014 và khế ước nhận nợ lần 2 Số:SME/ECH/14/0137/HĐTD ngày 26/7/2014 số SME/ECH/14/0137/HĐTD ngày 26/7/2014 do các bên đã ký cũng như lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay thì Công ty N có vay của Ngân hàng V tổng cộng số tiền là 4.300.000.000đ (Bốn tỉ ba trăm triệu đồng) với mục đích thanh toán một phần mua các xe đầu kéo và các xe SơMi RơMoóc thuộc quyền sở hữu của Công ty N đồng thời các tài sản này đã được thế chấp cho Ngân hàng V để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng thế chấp xe ôtô số: SME/ECH/14/0137/HDTC – 02 ngày 26/7/2014 và hợp đồng thế chấp xe ôtô số: SME/ECH/14/0137/HDTC – 02 ngày 26/7/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty N mới thanh toán được một phần tiền gốc và lãi là vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký. Phía bị đơn xác nhận số tiền gốc còn thiếu như nguyên đơn yêu cầu. Căn cứ vào thỏa thuận lãi suất của hai bên, bản kê chi tiết tính lãi tại phiên tòa hôm nay thì việc Ngân hàng V yêu cầu Công ty N trả ngay một lần số tiền tính đến ngày 27/9/2018 gồm nợ gốc 1.801.856.419đ, lãi trong hạn 57.145.269đ, lãi quá hạn là 1.568.879.821đ, tổng cộng là 3.427.881.509đ (Ba tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu tám trăm tám mươi mốt ngàn năm trăm lẻ chín đồng) cộng với tiền lãi phát sinh tính từ ngày 28/9/2018 cho đến khi Công ty N thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên là có cơ sở chấp nhận theo các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là xe Sơmi RơMoóc, nhãn hiệu KCT, số loại: B53, màu xanh, số khung: F3XCED000037, biển số: 51R-080.11 để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, thấy: Việc thế chấp tài sản đảm bảo đã được Ngân hàng V đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh lúc 15 giờ 3 phút ngày 17/7/22014, số đăng ký: 1162330398 và lúc 8 giờ 49 phút ngày 01/10/2014 có số đăng ký 12038038 là đúng quy định theo khoản 3 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ – CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2012/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 và theo Điều 7 của hai Hợp đồng thế chấp xe ô tô trên có quy định các trường hợp xử lý tài sản thế chấp: "1. Các bên thống nhất thỏa thuận rằng bên Ngân hàng có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ ngay khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây: a) Bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các văn kiện tín dụng đã ký với bên Ngân hàng…." nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Phía nguyên đơn xác nhận hiện đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký đối với tài sản bảo đảm này. Do vậy, sau khi Công ty N thanh toán hết số nợ cho Ngân hàng V thì Ngân hàng V phải thực hiện xóa thế chấp và hoàn trả lại cho Công ty N bản chính giấy chứng nhận đăng ký Rơ Moóc, Sơmi RơMoóc số 007388 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/7/2014.

Trong quá trình giải quyết, đại diện Công ty N đề nghị Ngân hàng V giảm lãi nhưng đại diện Ngân hàng V không đồng ý nên không có cơ sở để xem xét.

Do nguyên đơn rút lại phần yêu cầu về việc buộc bị đơn trả số tiền gốc 998.615.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã đóng do yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 3.427.881.509đ được chấp nhận và đình chỉ yêu cầu buộc về việc buộc bị đơn trả số tiền gốc 998.615.000đ do nguyên đơn rút yêu cầu.

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận trên số tiền 3.427.881.509đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

1.1. Công ty TNHH Một thành viên N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tính đến ngày 27/9/2018 là 3.427.881.509đ (Ba tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu tám trăm tám mươi mốt ngàn năm trăm lẻ chín đồng) gồm nợ gốc 1.801.856.419đ (Một tỷ tám trăm lẻ một triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn bốn trăm mười chín đồng), lãi trong hạn: 57.145.269đ (Năm mươi bảy triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm sáu mươi chín đồng) lãi quá hạn: 1.568.879.821đ (Một tỷ năm trăm sáu mươi tám triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm hai mươi mốt đồng). Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc buộc Công ty TNHH Một thành viên N trả số tiền gốc 998.615.000đ (Chín trăm chín mươi tám triệu sáu trăm mười lăm ngàn đồng).

1.3. Kể từ ngày 28/9/2018, Công ty TNHH Một thành viên N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số SME/ECH/14/0137/HĐTD ngày 17/7/2014 và phụ lục hợp đồng số SME/ECH/14/0137/HĐ TD số 01/PLHĐ ngày 26/7/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Công ty TNHH Một thành viên N vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.4. Ngay sau khi Công ty TNHH Một thành viên N đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng và 02 khế ước nhận nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thực hiện thủ tục xóa thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền và hoàn trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên N bản chính chứng nhận đăng ký Rơ Moóc, Sơmi RơMoóc số 007388 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/7/2014 của chiếc xe Sơmi RơMoóc, nhãn hiệu KCT, số loại: B53, màu xanh, số khung: F3XCED000037, biển số: 51R-080.11.

1.5. Đến hạn trả nợ, Công ty TNHH Một thành viên N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ tín dụng nêu trên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là xe Sơmi RơMoóc, nhãn hiệu KCT, số loại: B53, màu xanh, số khung: F3XCED000037, biển số: 51R-080.11, chứng nhận đăng ký Rơ Moóc, Sơmi RơMoóc số 007388 do Phòng cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/7/2014.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Một thành viên N phải chịu án phí là 100.557.630đ (Một trăm triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn sáu trăm ba mươi đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tiền tạm ứng án phí đã nộp là 54.047.659đ (Năm mươi bốn triệu không trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm năm mươi chín đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0006349 ngày 07/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 01 tháng, kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo